

Nghệp “trú” nơi đâu?

ISSN: 2734-9195 08:05 13/01/2026

Có thể ví, nếu nghiệp là mực, thì A-lại-da thức chính là tờ giấy. Không có giấy, mực chẳng thể bám; không có mực, giấy vẫn trống không.

Tác giả: **Giảng viên Nguyễn Thanh Huy**

Trường Đại học Khánh Hòa

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026

Câu hỏi “Con người có linh hồn hay không?” là câu hỏi cổ xưa như của các tín ngưỡng, tôn giáo và của con người trước tư duy về cái chết.

Từ trong tín ngưỡng dân gian cho đến triết học phương Đông, linh hồn vẫn được xem là phần tinh linh, phần “ta” không tan khi xác thịt đã hư hoại, rã rời. Nhưng đức Phật, trong cái nhìn của pháp nhãn, thấy rõ tột cùng Vô ngã. Ngài dạy rằng:

“Trong năm uẩn, không có gì gọi là ta, không có gì là của ta”. (1)

Vậy, khi thân hoại, ai mang nghiệp đi?

Hay, nếu không có linh hồn, thì cái gì tái sinh, cái gì chịu quả?

Và nếu có một cái “linh hồn” trường tồn, há chẳng rơi vào Thường kiến đó sao?

Đối với những quan niệm ấy - Đoạn kiến và Thường kiến - Phật giáo đã phủ định cả hai, đồng thời chỉ rõ sự tồn tại của Nghiệp, “con người không có linh hồn, chỉ có nghiệp”. (2)

Nhưng, nếu đã không có linh hồn, lại không có cả thức (trung gian), thì nghiệp “trú” ở đâu để tiếp nối?



Ảnh: Sư tâm

Câu hỏi ấy chính là nơi bắt đầu cho cuộc đối thoại giữa Phật giáo Nguyên thủy và Duy thức học Đại thừa.

Đức Phật phủ định sự tồn tại của linh hồn không phải để khẳng định “chết là hết”, mà để tố bản chất Vô ngã của con người. Không có cái gì gọi là “ta”, thuộc về “ta”, cả thân lẫn tâm. Cái ta tưởng là “ta”, thực chất chỉ là ngũ uẩn giả hợp do duyên sinh; nghĩa là nó không thường hằng bất biến, khi đoạn duyên, năm uẩn đó lập tức xuất ly

- thân ấy tan rã, chuyển hóa thành những nhân duyên mới.

Còn cái mà người đời gọi “linh hồn”, Phật giáo cũng không nhìn nó như một linh thể trú ngụ trong năm uẩn và bất biến, khi thân hoại, các duyên thay đổi, dòng nghiệp lực không có hình tướng tiếp tục theo các nhân duyên mới để “tái sinh”.

“Nghệp” là chủ nhân, vậy “tàng thức” (3), “thần thức”, “trung ấm”, “linh hồn”... sẽ hiểu theo nội hàm nào?

Khi thân diệt, chỉ còn lại năng lực nghiệp, năng lực ấy theo quy luật tương ưng để tái sinh.

Còn theo Duy thức học, phần tâm thức ấy được nhìn nhận thêm hai thức khác (tiếp sau 6 thức), đó là: Mạt-na thức (chấp ngã) và A-lại-da thức – tàng thức, một dòng tâm vi tế, nơi chứa đựng mọi chủng tử của nghiệp thiện ác.

Từ Thế Thân đến Hộ Pháp, họ tiếp tục mở rộng tầm nhìn về tâm thức, cho rằng, nếu nghiệp không “trú” ở đâu, thì tính liên tục không thể thành, luân hồi không thể tồn tại.

Như quan niệm của Thế Thân trong “Duy thức Tam thập tụng” được Thích Thiện Hoa diễn giải lại như sau:

“Thức thứ tám gọi là A-lại-da thức (阿賴耶識), dịch là Tàng thức. Sở dĩ gọi là Tàng thức, vì nó hay chứa đựng tất cả chủng tử của các pháp hữu vi. Lại vì nó là chỗ nương tựa của tất cả hữu tình (thì thức này liền tùy theo mà có mặt, nên gọi là thức năng tàng. Nó lại là chỗ để ngã chấp nương vào mà sinh khởi, nên gọi là ngã chấp sở tàng (我執所藏). Cũng do các chủng tử huân tập mà các pháp hiện hành sinh khởi, cho nên nói: chủng tử duyên sinh (種子緣生). Vì vậy, tuy có nhiều tên khác nhau, nhưng thật ra đều chỉ cho A-lại-da thức mà thôi”. (4)

Có thể ví, nếu nghiệp là mực, thì A-lại-da thức chính là tờ giấy. Không có giấy, mực chẳng thể bám; không có mực, giấy vẫn trống không.

Theo đó, tàng thức, thần thức, hay thân trung ấm, và ngay cả “linh hồn” là những khái niệm khác nhau, nhưng chúng đều có liên quan đến nghiệp theo dòng tâm thức tương tục trong sáu nẻo luân hồi.

Tuy nhiên, cái gọi là “trú” đó không thuần túy là sự phụ thuộc vào “ở đâu”, mà là do duyên, sinh khởi cùng với thức mà nương nhau.

Tàng thức, thần thức, hay thân trung ấm... đều là ngôn ngữ phương tiện, nhằm giúp người học Phật, tu Phật thấy được sự tiếp nối, tương tục của luân hồi - nhân quả, mà vẫn kiến giải được Vô ngã.

Tóm lại, dù là Nguyên thủy hay Đại thừa, dù là Thiên tông hay Mật tông, đều không có sự sai biệt. Cũng không phải các tông phái đời sau “chia chẻ” kinh điển để ngụy tạo Giáo pháp, mà ở đó là sự kế thừa, tiếp nối và luận giải thâm sâu, vi tế hơn để phù hợp với căn cơ, sở học của người đời trong từng hoàn cảnh. Vì “pháp thân của người tu hành bình đẳng với Phật”, (5) (6) tức khi giác ngộ, chư Tổ sẽ cùng nói bằng một thứ “ngôn ngữ” với chư Phật, Bồ tát.

Tác giả: **Giảng viên Nguyễn Thanh Huy** - Trường Đại học Khánh Hòa

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026

Chú thích:

(1) Kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhana Sutta, Samyutta Nikāya 22.59). Bản dịch Việt: Tương Ưng Bộ Kinh, tập III, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn Giáo,

Hà Nội, 1993.

(2) Thích Thông Lạc, Linh Hồn Không Có, trích trong bộ Đường Về Xứ Phật, Tập II, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2004.

(3) Trong hệ Pāli, tuy không dùng thuật ngữ “tàng thức”, nhưng vẫn có khái niệm bhavanga-citta (hữu phần tâm) - một dạng tâm tiềm ẩn tương tự A-lại-da thức.

(4) Duy thức Tam thập tụng (Vasubandhu, 世親). Bản Hán dịch: Huyền Trang (玄奘, 659 TL), Việt dịch: Thích Thiện Hoa, Luận

Duy thức Tam thập tụng Giải, Nxb Tôn Giáo, 2005.

(5) Trích trong Lục Tổ Huệ Năng - Pháp Bảo Đàn Kinh, bản dịch Việt: HT. Mãn Giác, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2003.

(6) Trong Kinh Hoa Nghiêm cũng viết: “Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh” (一切眾生皆有佛性) - Kinh Hoa Nghiêm, quyển 10, phẩm Như Lai Xuất Hiện; dịch bởi Phật-đà-bạt-đà-la, đời Đông Tấn; bản dịch Việt: HT. Thích Trí Tịnh, Nxb Tôn Giáo, 2002.